

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2030”

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”; tiếp tục thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2030”, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC MẦM NON VÙNG KHÓ KHĂN

Quảng Nam có 06 huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg¹ ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ gồm: Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn; 58 xã khu vực III, 03 xã khu vực II và 09 xã khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg² ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; có 230 thôn đặc biệt khó khăn, trong đó 211 thôn ở xã khu vực III, 11 thôn ở xã khu vực II, 06 thôn ở xã khu vực I và 02 thôn ở xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 612/QĐ-UBND³ ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc (*sau đây gọi tắt là vùng khó khăn*).

1. Thuận lợi

- Trong những năm qua, cấp học giáo dục mầm non nói chung và giáo dục mầm non vùng khó khăn nói riêng được Chính phủ, Nhà nước quan tâm ban hành các chế độ chính sách góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều Nghị quyết về chế độ chính sách cho đội ngũ, trẻ em như Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND⁴ ngày 19/4/2021,

¹ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

² Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

³ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

⁴ Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND⁵ ngày 22/7/2021, Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND⁶ ngày 21/4/2022, Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND⁷ ngày 20/7/2022.

- Các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo, ưu tiên bố trí quỹ đất; kết hợp các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học theo hướng kiên cố và đạt chuẩn, gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp cho cấp học mầm non.

2. Khó khăn

- Mạng lưới trường mầm non vùng khó khăn còn phân tán, nhiều điểm trường mầm non có diện tích hẹp, phòng học chưa đảm bảo đúng quy cách và diện tích cho trẻ sử dụng, nhiều điểm lẻ, nhiều lớp ghép. Trong những năm qua, phòng học tạm, nhờ tuy có giảm nhưng vẫn còn tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Số phòng học mầm non hiện nay thừa thiếu cục bộ do một số điểm trường thôn xóa lớp (thừa), một số điểm trường chính tăng lớp (thiếu) nhưng việc đầu tư xây dựng chưa kịp thời để đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Số lượng trường mầm non tại các địa phương vùng khó khăn ít, chỉ có 13 trường mầm non với 11 nhóm trẻ. Công tác xã hội hóa phát triển mạng lưới trường lớp ngoài công lập phát triển chậm do đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Chính phủ, Nhà nước cũng như tỉnh chưa có chế độ chính sách riêng hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập cho trẻ nhà trẻ vùng khó khăn đến trường. Chính vì vậy, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường tại vùng khó khăn thấp, chỉ đạt 5,6%.

- Tỷ lệ giáo viên mầm non trên lớp chưa đạt theo quy định, hiện nay chỉ đạt 1,6 giáo viên/lớp. Hệ thống chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý tại các vùng khó khăn đã được Chính phủ, Nhà nước quan tâm, đãi ngộ nhiều chế độ. Tuy nhiên tỉnh chưa có chế độ chính sách đặc thù riêng thu hút giáo viên mầm non công tác tại vùng khó khăn.

3. Thực trạng giáo dục mầm non vùng khó khăn (Tính đến tháng 01/2023)

a) Quy mô mạng lưới trường lớp

- Tổng số trường mầm non, mẫu giáo: 57 trường công lập (không có trường ngoài công lập), trong đó có 13 trường mầm non và 44 trường mẫu giáo.

- Tổng số cơ sở giáo dục mầm non độc lập tự thực: 14 cơ sở.

- Tổng số nhóm, lớp: 571 nhóm, lớp, trong đó:

⁵ Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2026.

⁶ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định kinh phí phục vụ nấu ăn đối với các trường có tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

⁷ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về Chương trình Sửa học đường đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, từ năm học 2022-2023 đến hết năm học 2025-2026.

+ Nhóm trẻ: 26 nhóm (11 nhóm trong trường công lập và 15 nhóm trẻ độc lập tư thực).

+ Lớp mẫu giáo: 545 lớp (544 lớp trong trường công lập và 01 lớp mẫu giáo độc lập tư thực).

- Tổng số trẻ mầm non đến trường: 13.314/ 22.618 trẻ, tỷ lệ 58,9%, trong đó:

+ Trẻ nhà trẻ: 506/9.057 trẻ, tỷ lệ 5,6%;

+ Trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi: 12.808/13.561 trẻ, tỷ lệ 94,4%.

- Tổng số trẻ mầm non là người dân tộc thiểu số đến trường: 10.322/16.866 trẻ, tỷ lệ 61,1%; trong đó:

+ Trẻ nhà trẻ: 133/6.115 trẻ, tỷ lệ 2,2%.

+ Trẻ mẫu giáo: 10.189/10.771 trẻ, tỷ lệ 94,6%.

b) Về tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên

- Tổng số giáo viên mầm non (GVMN): 950 người, trong đó có 922 GVMN công lập và 28 GVMN tư thực.

- Định biên giáo viên/ nhóm, lớp:

+ Nhóm trẻ: 51 GV/26 nhóm, tỷ lệ 1,96 GV/nhóm.

+ Lớp mẫu giáo: 899 GV/545 lớp, tỷ lệ 1,65 GV/lớp.

- Số GVMN dạy nhóm lớp có trẻ người đồng bào dân tộc thiểu số: 818 người; trong đó số GVMN biết tiếng mẹ đẻ của trẻ: 425/818 người, tỷ lệ 51,9%.

c) Cơ sở vật chất

- Tổng số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ): 284 điểm;

- Điểm trường có sân chơi ngoài trời: 258 điểm;

- Số điểm trường có đồ chơi ngoài trời: 236/258 điểm, tỷ lệ 91,5%.

- Tổng số phòng học: 584 phòng /571 nhóm, lớp (dư 13 phòng học do tách lớp ghép, đưa trẻ về học lớp đúng độ tuổi); đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/ 1 nhóm lớp, trong đó:

+ Phòng học kiên cố: 139 phòng, tỷ lệ 23,8%;

+ Phòng học bán kiên cố: 425 phòng, tỷ lệ 72,8%;

+ Phòng học nhờ, mượn: 04 phòng, tỷ lệ 0,7%;

+ Phòng học tạm: 16 phòng, tỷ lệ 2,7%.

Các phòng học tạm được làm bằng gỗ, lợp tôn tập trung chủ yếu ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện Nam Trà My.

- Tổng số nhóm lớp có đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định: 502/571 nhóm lớp, tỷ lệ 87,9%.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH “HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON VÙNG KHÓ KHĂN TỈNH QUẢNG NAM GIAI ĐOẠN 2023-2030”

1. Đối tượng, phạm vi

Các cơ sở giáo dục mầm non có trẻ em, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc các huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; các thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang,

ven biển và hải đảo, các thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc.

2. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tạo điều kiện cho trẻ em mầm non vùng khó khăn có cơ hội đến trường; phân đầu bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất trường, lớp, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, giảm hộ nghèo phát triển toàn diện kinh tế, xã hội; bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị văn hóa, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với trẻ em

- Phân đầu đến năm 2025: Có ít nhất 7% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 95% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 30% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; có ít nhất 50% các huyện tập trung đông trẻ em người dân tộc thiểu số có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Phân đầu đến năm 2030: Có ít nhất 12% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 60% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ phù hợp theo độ tuổi; có ít nhất 80% các huyện tập trung đông trẻ em người dân tộc thiểu số có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Hằng năm, có 100% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện vùng miền, dân tộc và đặc điểm riêng của trẻ.

b) Đối với giáo viên

- Phân đầu đến năm 2025: Bồi dưỡng 60% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Phân đầu đến năm 2030: Bồi dưỡng 80% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; phân đầu bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định.

c) Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Phân đầu đến năm 2025, xóa bỏ 100% phòng học tạm và phòng học nhờ; xây mới trường học theo dự báo quy hoạch mạng lưới trường lớp mầm non của các địa phương; bổ sung đủ bộ đồ chơi ngoài trời cho các điểm trường, bộ đồ chơi trong lớp cho các nhóm lớp.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với giáo dục mầm non

Các cấp ủy Đảng, chính quyền tăng cường chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục mầm non; nắm bắt kịp thời tình hình giáo dục địa phương; chỉ đạo các ban, ngành,

đoàn thể địa phương phối hợp triển khai các giải pháp đồng bộ phát triển giáo dục tại địa phương nói chung và giáo dục mầm non nói riêng. Tập trung nguồn lực đầu tư cho giáo dục mầm non, xem “Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ em”. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ trẻ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số.

b) Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn

- Rà soát, nghiên cứu bổ sung, đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, nhất là đối tượng trẻ em nhà trẻ, bao gồm một số chính sách: hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Phát triển loại hình trường mầm non công lập tại các xã vùng khó khăn huy động tăng tỷ lệ trẻ nhà trẻ đến trường.

- Phân đầu bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định đối với vùng khó khăn, ưu tiên đối với giáo viên dạy nhóm, lớp tại điểm lẻ ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và bãi ngang ven biển.

- Rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng, bổ sung cơ chế chính sách đối với đội ngũ giáo viên vùng khó khăn, nhất là đội ngũ trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số; hoàn thiện các chính sách đào tạo theo địa chỉ, cử tuyển và tuyển dụng, sử dụng đối với đội ngũ giáo viên là người địa phương dạy trẻ em người dân tộc thiểu số; thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế thu hút, động viên giáo viên công tác lâu dài ở vùng khó khăn.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp: ưu tiên đầu tư kinh phí để xóa phòng học tạm, phòng học nhờ; xây dựng nhà công vụ cho giáo viên; mua sắm đồ dùng học tập đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

c) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, bồi dưỡng đội ngũ công tác viên hỗ trợ ngôn ngữ

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên về công tác quản lý, triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn và phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em người dân tộc thiểu số, đặc biệt đối với trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi mới ra lớp; tham quan chia sẻ học tập mô hình điểm.

- Khuyến khích đội ngũ giáo viên người Kinh phân công dạy vùng đồng bào dân tộc thiểu số tự giác nghiên cứu, học tập tiếng dân tộc vùng bản địa; đồng thời, có kế hoạch mở lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ công tác viên hỗ trợ ngôn ngữ, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em.

- Bổ sung nội dung giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ vào chương trình đào tạo giáo viên mầm non trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm.

d) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

- Có kế hoạch, lộ trình, giải pháp xây dựng phòng học cho trẻ, nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, mua sắm thêm đồ dùng học tập tại vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu tới trường, lớp của trẻ em, quan tâm đến đối tượng trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo bé 3-4 tuổi; bổ sung tài liệu, học liệu phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ và nâng chất lượng giáo dục mầm non vùng khó khăn.

- Chú trọng bổ sung thiết bị, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài lớp, xây dựng mô hình môi trường giáo dục gắn với môi trường văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy ưu thế của vùng miền, xây dựng cảnh quan môi trường phù hợp nhất với trẻ và văn hóa riêng của vùng bản địa; tạo dựng và nhân rộng mô hình điểm làm nơi tập huấn, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo dục mầm non vùng khó khăn.

đ) Triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn, phù hợp với đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em

- Triển khai chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện vùng miền, phù hợp với đặc điểm của trẻ em người dân tộc thiểu số. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn, đặc điểm tiếp nhận và văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ.

- Chú trọng khai thác yếu tố văn hóa bản địa trong tổ chức, thực hiện chương trình giáo dục mầm non đối với trẻ em vùng khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Tổ chức tập huấn và chia sẻ tài liệu, học liệu thân thiện, phù hợp với trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn; đẩy mạnh tập huấn việc thực hiện chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp đối với đội ngũ giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em; xây dựng và bảo đảm duy trì môi trường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non có trẻ em người dân tộc thiểu số; quan tâm đến đối tượng trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo mới ra lớp chưa nói được tiếng Việt.

e) Huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn

- Huy động nguồn lực xã hội và cộng đồng

+ Hình thành cơ chế, khuyến khích tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non. Vận động sự tham gia của toàn dân và các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy sáng kiến của cộng đồng phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

+ Huy động cán bộ, chiến sỹ tham gia dạy tiếng Việt cho cha, mẹ và người chăm sóc trẻ em là người dân tộc thiểu số; động viên, khuyến khích cán bộ hưu trí, các hội viên, đoàn viên của các tổ chức đoàn thể tham gia hỗ trợ tăng cường tiếng Việt cho cha, mẹ và các hoạt động thiết thực khác cho trẻ em người dân tộc thiểu số.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp kinh phí, tài liệu, học liệu, đồ dùng đồ chơi hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, huy động sức mạnh, phát huy vai

trò của cả hệ thống chính trị; các Sở, Ban ngành có liên quan trong hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em ở gia đình và cộng đồng.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế: huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật; hợp tác và tiếp thu có chọn lọc các phương pháp tiên bộ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số, phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

ê) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chương trình

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến về sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

- Hình thành chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức đối với các cấp chính quyền, cộng đồng, cha mẹ trẻ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

- Tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Sử dụng tài liệu truyền thông, tập huấn về thực hiện giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm vùng miền, về chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho cha mẹ trẻ là người dân tộc thiểu số, cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp chặt chẽ với các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng để vận động các gia đình người dân tộc thiểu số tạo điều kiện cho con, em đến trường, lớp mầm non và học 2 buổi/ngày.

- Tuyên truyền, hỗ trợ cho cha mẹ trẻ nâng cao nhận thức trong việc tăng cường tiếng Việt, xây dựng môi trường tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng.

5. Kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí

- Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm của các Sở, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 đã được giao và giai đoạn 2026-2030, phù hợp khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

b) Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư

công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

6. Tổ chức thực hiện

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ của chương trình.

- Tổ chức lựa chọn tài liệu phù hợp, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người dân tộc thiểu số về công tác quản lý, phát triển, đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn; phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đối tượng trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện mô hình thí điểm về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ em người dân tộc thiểu số; xây dựng phần mềm tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện chương trình, tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách của địa phương, đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn vốn hợp pháp khác để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì các Chương trình mục tiêu quốc gia trình cấp có thẩm quyền mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm bao gồm các nội dung để thực hiện chương trình theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách Nhà nước.

c) Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định chính sách đối với viên chức giáo viên mầm non công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

công tác tuyển dụng, hợp đồng, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non ở vùng khó khăn.

đ) Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, Ban, ngành liên quan và các địa phương tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, Ban, ngành liên quan kiểm tra việc triển khai, thực hiện chương trình.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, Ban, ngành liên quan, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội và nâng cao năng lực để thực hiện chương trình; bảo đảm việc thực hiện quyền trẻ em tại vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đối với trẻ em mầm non vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

ê) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, lồng ghép các nội dung nhiệm vụ phù hợp vào kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm, làm cơ sở triển khai thực đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

g) Sở Thông tin và Truyền thông

Tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa và sự cần thiết của chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, các bậc cha, mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn.

h) UBND các huyện: Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức, Đại Lộc

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện chương trình tại địa phương, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Bố trí kinh phí, trực tiếp triển khai và bảo đảm hiệu quả của chương trình tại địa phương.

- Phát triển loại hình trường mầm non công lập tại các xã vùng khó khăn, tăng cường công tác xã hội hóa nhằm huy động tăng tỷ lệ trẻ nhà trẻ đến trường.

- Xây dựng kế hoạch triển khai bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người dân tộc thiểu số tại địa phương.

- Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ em người dân tộc thiểu số học tiếng dân tộc tại địa phương nơi giáo viên công tác.

- Triển khai chương trình xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung số phòng học còn thiếu cho vùng khó khăn theo Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật.

- Quan tâm, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non vùng khó khăn.

- Chỉ đạo, tổ chức, chủ động tạo nguồn, đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí, bổ sung biên chế giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non, nhân viên cho vùng khó khăn thuộc địa phương bảo đảm thực hiện mục tiêu Chương trình.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra giám sát đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn./.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023-2030”. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo (*trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, phản ánh đến Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định*)./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện có liên quan;
- Phòng GDĐT các huyện có liên quan;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh